

File đính kèm Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.17

Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 95 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó:

- Thời gian chuẩn bị và thi công của Nhà thầu: Trong vòng 80 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày Nhà thầu hoàn thành thi công, có Báo cáo hoàn thành gói thầu và cung cấp đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng, bao gồm:
 - + Nhà thầu lập, trình hồ sơ Biện pháp thi công (bao gồm: Biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn vệ sinh môi trường và Kế hoạch thi công, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công trình; Phương án đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công): trong vòng 05 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
 - + Chủ đầu tư thẩm định hồ sơ Biện pháp thi công của Nhà thầu (Nhà thầu tham gia thẩm định theo yêu cầu của Chủ đầu tư): trong vòng 04 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của Nhà thầu, Chủ đầu tư thực hiện thẩm định và phát hành biên bản cho Nhà thầu;
 - + Nhà thầu chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ Biện pháp thi công (nếu có): trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định của Chủ đầu tư;
 - + Chủ đầu tư chấp thuận hồ sơ Biện pháp thi công và bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu: trong vòng 01 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ Biện pháp thi công đã chỉnh sửa, hoàn thiện của Nhà thầu;
 - + Nhà thầu hoàn thành thi công, có Báo cáo hoàn thành gói thầu và cung cấp đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng: Trong vòng 65 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho Nhà thầu.
 - Chủ đầu tư thực hiện nghiệm thu hoàn thành gói thầu: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành thi công, có Báo cáo hoàn thành gói thầu và cung cấp đầy đủ hồ sơ quản lý chất lượng.
- Trường hợp Nhà thầu chậm nộp báo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 5.1 E-ĐKC, thời gian thực hiện hợp đồng của nhà thầu được tính từ ngày thứ 7 kể từ ngày ký hợp đồng.

Tiến độ thực hiện chi tiết:

Căn cứ vào thời gian chuẩn bị và thi công, Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết, hồ sơ “Biện pháp thi công, đảm bảo an ninh, an toàn vệ sinh môi trường” để trình cho Chủ đầu tư đáp ứng yêu cầu dưới đây:

+ Nhà thầu trình Chủ đầu tư chấp thuận hồ sơ “Biện pháp thi công, đảm bảo an ninh, an toàn vệ sinh môi trường” gồm các nội dung sau theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định 06/2021/NĐ-CP: Biện pháp thi công; Kế hoạch tổng hợp về an toàn, đảm bảo an ninh, an toàn vệ sinh môi trường; và Kế hoạch thi công, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công trình trong vòng 05 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu có 04 ngày kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định của Chủ đầu tư để chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ “Biện pháp thi công, đảm bảo an ninh, an toàn vệ sinh môi trường” đảm bảo đủ điều kiện để Chủ đầu tư phê duyệt (thời gian này không bao gồm thời gian Chủ đầu tư thực hiện thủ tục xem xét, thẩm định phê duyệt hồ sơ). Nếu sau 04 ngày kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định của Chủ đầu tư mà Nhà thầu chưa chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ nêu trên đảm bảo đủ điều kiện để Chủ đầu tư phê duyệt thì Nhà thầu chịu phạt theo quy định tại Mục 49 E-ĐKC về phạt vi phạm hợp đồng.

E-ĐKC 1.18

- Ngày khởi công công trình: là ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu và “Biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn vệ sinh môi trường” và “Kế hoạch thi công, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công trình” đã được phê duyệt (dự kiến ngày .../.../2025).

ĐKC 5.4

Trong trường hợp Nhà thầu không cung cấp cho Chủ đầu tư văn bản gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng đúng thời hạn Mục 5.2 E-ĐKC thì Chủ đầu tư có quyền tước thu Bảo đảm thực hiện hợp đồng và khoản tiền đã tước thu này sẽ được coi là bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi nhà thầu gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả số tiền tước thu cho Nhà thầu trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được văn bản hạn gia bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Các trường hợp nêu tại Mục 37.2 CDNT chương I- E-HSMT
- Không thanh toán cho Chủ đầu tư các khoản nợ đến hạn;
- Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu.

Chủ đầu tư sẽ hoàn trả cho Nhà thầu bảo đảm thực hiện hợp đồng trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành biên bản nghiệm thu hoàn thành và nhận được bảo đảm bảo hành.

E-ĐKC 8.2

Nghĩa vụ của Nhà thầu:

- a) Nhà thầu có trách nhiệm bố trí kho tại công trình để lưu trữ, bảo quản an toàn các vật tư, thiết bị của hợp đồng trong quá trình thi công, lắp đặt.
- b) Đảm bảo có thiết bị thay thế sẵn sàng cho thiết bị cung cấp trong trường hợp thiết bị cung cấp có sự cố để đảm bảo vận hành không gián đoạn của hệ thống;
- c) Thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư nếu phát hiện bất kỳ sai khác nào giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng và điều kiện hiện trường;
- d) Tự đảm bảo các điều kiện về nguồn điện, nước và các yếu tố, dịch vụ liên quan khác trên công trường để thi công công trình, không làm ảnh hưởng xấu tới hoạt động, sinh hoạt và làm việc của nhân dân và các đơn vị liên quan;
- e) Có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chức năng trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng cho đến khi hoàn thành công trình, bàn giao đưa vào sử dụng;
- f) Bảo quản thiết bị, vật tư trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng cho đến khi công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng;
- g) Chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình do mình đảm nhận; sửa chữa sai sót trong công trình đối với những công việc do mình thi công;
- h) Tham gia hợp với Chủ đầu tư, giám sát của Chủ đầu tư theo yêu cầu;
- i) Hoàn trả mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng;
- j) Bảo đảm an toàn về cơ sở vật chất của Chủ đầu tư và bên thứ ba. Tuân thủ đúng và đầy đủ các Quy định, Nội quy của Chủ đầu tư tại công trường;
- k) Chịu mọi trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra tai nạn lao động trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Chủ đầu tư không có trách nhiệm đối với bất cứ sự cố nào đối với con người và thiết bị máy móc của Nhà thầu trên công trường. Trong trường hợp Nhà thầu từ chối hoặc chậm trễ trong việc khắc phục hậu quả gây ảnh hưởng đến Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có quyền thay mặt Nhà thầu giải quyết khắc phục hậu quả do Nhà thầu gây ra cho Chủ đầu tư hoặc bên thứ ba (chí phí khác phục do Nhà thầu chịu);
- l) Đưa khỏi công trình các cán bộ, nhân viên của Nhà thầu khi có ý kiến bằng văn bản của Chủ đầu tư về việc các cán bộ, nhân viên đó không đủ năng lực chuyên môn, hoặc cố tình vi phạm quy trình kỹ thuật thi công, tái phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng Quy định, Nội quy của Chủ đầu tư, không hợp tác trong quá trình kiểm soát của Chủ đầu tư;
- m) Bất kỳ tồn thất hay thiệt hại phát sinh mà Chủ đầu tư phải gánh chịu do Nhà thầu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định nêu tại Hợp đồng và các Phụ lục ban hành kèm theo Hợp đồng này, Nhà thầu sẽ phải chịu phạt

vi phạm và bồi thường thiệt hại, và Chủ đầu tư có quyền khấu trừ vào giá trị thanh, quyết toán phải trả gần nhất cho Nhà thầu mà không cần có sự đồng ý của Nhà thầu;

- n) Làm việc và xin giấy phép ra/vào khu vực thi công theo các quy định hiện hành của Cơ quan chức năng có thẩm quyền (nếu có). Mọi chi phí liên quan tới nội dung này do Nhà thầu chịu;
- o) Nhà thầu phải thực hiện với trách nhiệm của chủ nguồn thầu được quy định tại Khoản 1 Điều 11 và các quy định khác tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/05/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất rắn trong xây dựng;
- p) Nhà thầu phải hoàn trả Chủ đầu tư toàn bộ giá trị xuất toán khi các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xuất toán được xác định do lỗi của Nhà thầu hoặc do Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu không đúng quy định của nhà nước (kể cả khi hợp đồng đã được thanh lý theo điều 25 của Hợp đồng);
- q) Nhà thầu có trách nhiệm lập, giải trình, hoàn thiện hồ sơ tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường theo ý kiến của các đơn vị có liên quan (nếu có) và được chấp thuận, Chủ đầu tư phê duyệt.
- r) Nhà thầu trình Chủ đầu tư chấp thuận các nội dung theo quy định tại khoản 3, điều 13, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ;
- s) Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với các Nhà thầu khác trong quá trình triển khai thi công lắp đặt để đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình.
- t) Đối với các vật tư được thu hồi theo quy định của Hợp đồng, Nhà thầu có trách nhiệm đóng gói và phối hợp bàn giao cho đơn vị vận chuyển theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- u) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Hợp đồng này.

E-ĐKC 11.4

1. Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định (nếu có)

- a) Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định là một Nhà thầu được Chủ đầu tư chỉ định cho Nhà thầu thuê làm Nhà thầu phụ trong các trường hợp sau:
 - + để thực hiện một số phần việc chuyên ngành có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc
 - + khi Nhà thầu không đáp ứng được tiến độ thực hiện hợp đồng quy định tại Mục 1.17 E-ĐKC sau khi Chủ đầu tư đã yêu cầu và trong thời hạn yêu cầu của Chủ đầu tư mà Nhà thầu không khác phục.

b) Nhà thầu có quyền từ chối Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định nếu công việc Nhà thầu đang thực hiện vẫn tuân thủ đúng các thỏa thuận trong hợp đồng hoặc có đầy đủ cơ sở cho rằng Nhà thầu phụ do Chủ đầu tư chỉ định không đáp ứng được các yêu cầu theo hợp đồng.

2. Hợp đồng thầu phụ thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các nội dung trong hợp đồng thầu phụ có thể tham khảo các mẫu hợp đồng tại phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023.

E-ĐKC 20.1 (a)

- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng, thời gian bảo hành của vật tư thiết bị sử dụng cho công trình theo quy định của nhà sản xuất nhưng không ngắn hơn 12 tháng, cụ thể do các bên thỏa thuận; Các dịch vụ bảo hành bao gồm việc khắc phục mọi sai sót, hư hỏng, sự cố đối với các công việc do Nhà thầu thực hiện, đảm bảo cung cấp ngay vật tư, thiết bị thay thế miễn phí trong thời gian bảo hành.

- Bảo lãnh bảo hành phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và phải theo mẫu quy định như trong Mẫu số 3 Phụ lục VI của Hợp đồng. Mức bảo lãnh bảo hành là 5% giá trị hợp đồng. Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp Bảo lãnh bảo hành theo quy định tại Điều này, Chủ đầu tư sẽ giữ lại 5% giá trị hợp đồng khi thanh toán như quy định tại Mục 44.1 E-ĐKC. Chủ đầu tư sẽ chỉ thanh toán 5% giá trị giữ lại này cho Nhà thầu khi Nhà thầu cung cấp Bảo lãnh bảo hành.

- Nhà thầu phải có mặt để xử lý sự cố kỹ thuật trong vòng 72 giờ kể từ khi đơn vị sử dụng hoặc cơ quan quản lý sử dụng thông báo sự cố bằng fax, e-mail cho Nhà thầu. Nhà thầu phải sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa bị hỏng mà không tính chi phí cho Chủ đầu tư.

E-ĐKC 27.2

Giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, bất kỳ bên nào cũng đều có thể gửi vấn đề lên Toà án nhân dân để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam

- Trường hợp việc tranh chấp phải đưa ra Tòa Kinh tế phân xử, hai bên thông báo cho nhau bằng văn bản và nêu rõ ý định của mình về việc phân xử tại Tòa Kinh tế.

- Trong thời gian chờ đợi phân xử của Tòa Kinh tế, bên nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm thi công công trình theo đúng tiến độ, không vì lý do tranh chấp mà trì trệ công việc đối với công trình hay tạm ngừng thi công công trình.

Quyết định của Tòa Kinh tế là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp do Bên bị xử thua trả.

Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

E-ĐKC 42.1

- Chủ đầu tư sẽ chuyển tiền tạm ứng vào tài khoản ngân hàng của nhà thầu nêu tại Mục E-ĐKC 1.19 trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư nhận được Văn bản đề nghị tạm ứng (01 bản chính) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (bản gốc) tương đương với khoản tiền tạm ứng.

- Tạm ứng: Tối đa 30% tổng giá trị Hợp đồng. (tương đương ...)

a) Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng đã ký.

b) Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ theo tỷ lệ giá trị công việc hoàn thành trên giá trị hợp đồng trong các khoản thanh toán đến hạn cho nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các thay đổi hợp đồng, các sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại.

Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình hoặc trước khi chấm dứt hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho chủ đầu tư trong thời gian 07 ngày kể từ ngày chủ đầu tư có văn bản yêu cầu.

c) Nhà thầu phải sử dụng tiền tạm ứng theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Tiền tạm ứng chỉ được sử dụng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.

Quy định về bảo lãnh tạm ứng:

- Hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng: Thời gian có hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng là 190 ngày kể từ ngày phát hành. Tối thiểu 15 ngày trước ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh tiền tạm ứng nếu Nhà thầu có nguy cơ không hoàn thành công việc để chủ đầu tư thu hồi số tiền tạm ứng thì Nhà thầu phải thực hiện gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và gửi văn bản gia hạn của Ngân hàng cho Chủ đầu tư tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh tiền tạm ứng. Trong trường hợp Nhà thầu không cung cấp cho Chủ đầu tư văn bản gia hạn đúng thời hạn như trên thì Chủ đầu tư có quyền tước thu Bảo lãnh tiền tạm ứng. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả số tiền tước thu cho Nhà thầu không chậm hơn 07 ngày làm việc kể từ ngày Nhà thầu hoàn thành các công việc, thủ tục để Chủ đầu tư thu hồi tiền tạm ứng.

E-ĐKC 44.1

1. Việc thanh toán được thực hiện như sau: Tổng số lần thanh toán: tối đa 04 lần.

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: tối đa 02 lần

Khi Nhà thầu có khối lượng hoàn thành từng đợt được nghiệm thu, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 80% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu cho lần thanh toán đó, đồng thời thu hồi số tiền tạm ứng theo tỷ lệ quy định tại Mục 42.1 E-ĐKC.

- **Thanh toán sau khi nghiệm thu hoàn thành gói thầu:** Sau khi Nhà thầu hoàn thành 100% khối lượng công việc theo hợp đồng và hồ sơ quyết toán hợp đồng (Quyết toán A-B) của Nhà thầu được Chủ đầu tư xác nhận, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 90% giá trị khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu (đã bao gồm khấu trừ khoản phạt, khoản giữ lại, bồi thường thiệt hại theo quy định Hợp đồng (nếu có) và thu hồi hết 100% tiền tạm ứng và các khoản đã thanh toán cho Nhà thầu).

Quy định về Quyết toán hợp đồng:

Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP, quy định pháp luật khác có liên quan và gồm các quy định sau:

Trong vòng 20 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư tài liệu gồm:

- + Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán hợp đồng (Quyết toán A-B) theo Mẫu số 4.1 của Phụ lục V: 06 bản gốc.
- + Bảng xác định giá trị khối lượng quyết toán hợp đồng theo Mẫu số 4.2 của Phụ lục V: 06 bản gốc.
- + Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng theo Mẫu số 3 của Phụ lục V: 06 bản gốc.
- + Báo cáo hoàn thành thi công công trình của Nhà thầu: 02 bản gốc.

+ Hồ sơ Quản lý chất lượng (Thành phần hồ sơ, số lượng và hình thức hồ sơ như Phụ lục IV).

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành gói thầu: 01 bản gốc.

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành gói thầu để đưa vào sử dụng: 01 bản gốc.

+ Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng gói thầu của Nhà thầu Tư vấn giám sát: 01 bản gốc.

Trường hợp Nhà thầu không cung cấp đầy đủ hồ sơ nghiệm thu, bàn giao, hồ sơ thanh/ quyết toán hợp đồng hoặc không hợp tác hoàn thiện hồ sơ theo quy định, Chủ đầu tư sẽ có văn bản yêu cầu Nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ nêu trên kèm theo thời hạn thực hiện. Sau khi chủ đầu tư đã gửi văn bản lần thứ 03 (mỗi văn bản cách nhau 10 ngày) đến Nhà thầu nhưng Nhà thầu vẫn không thực hiện các nội dung theo yêu cầu; Chủ đầu tư sẽ căn cứ những hồ sơ thực tế đã thực hiện để lập hồ sơ quyết toán (không cần bao gồm Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng), xác định giá trị đề nghị quyết toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn các tổn thất, thiệt hại (nếu có) và có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán dự án của cấp có thẩm quyền.

- **Thanh toán lần cuối:** Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu giá trị còn lại của hợp đồng.

2. Thời hạn thanh toán:

a) Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

b) Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải trả lãi cho Nhà thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi nhà thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán.

3. Thanh toán tiền bị giữ lại (nếu có): Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ các khoản tiền bị giữ lại cho Nhà thầu khi các bên đã đủ căn cứ để xác định giá trị của các lần thanh toán và khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định tại Mục 20 E-ĐKC.

4. Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

5. Hồ sơ thanh toán:

- **Hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành, bao gồm:**

- + Giấy đề nghị thanh toán (Đề nghị thanh toán của nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đã thanh toán, giá trị còn thanh toán): 01 bản gốc.
 - + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán do Nhà thầu lập và được Chủ đầu tư xác nhận (Mẫu số 1 của Phụ lục V): 06 bản gốc.
 - + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng do Nhà thầu lập và được Chủ đầu tư xác nhận (Mẫu số 2 của Phụ lục V): 06 bản gốc.
 - + Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng do Nhà thầu lập và được Chủ đầu tư phê duyệt (Mẫu số 3 của Phụ lục V): 06 bản gốc.
 - + Báo cáo hoàn thành thi công của Nhà thầu cho lần thanh toán: 01 bản gốc + 01 bản sao.
 - + Hồ sơ quản lý chất lượng tương ứng của giai đoạn thanh toán (theo quy định tại Phụ lục IV): 01 bản gốc + 01 bản sao.
 - + Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng của Nhà thầu Tư vấn giám sát cho lần thanh toán: 01 bản gốc.
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành cho lần thanh toán giữa đại diện nhà thầu thi công và đại diện tư vấn giám sát, đại diện của chủ đầu tư: 01 bản gốc.
 - + Hóa đơn GTGT có giá trị bằng 100% giá trị khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu của lần thanh toán tương ứng.
- Hồ sơ thanh toán sau khi nghiệm thu hoàn thành gói thầu, bao gồm:**
- + Giấy đề nghị thanh toán (Đề nghị thanh toán của nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đã thanh toán, giá trị còn thanh toán, giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có), giá trị quyết toán hợp đồng): 01 bản gốc.
 - + Bảng tính giá trị đề nghị quyết toán hợp đồng (Quyết toán A-B) do Nhà thầu lập và được Chủ đầu tư xác nhận (Mẫu số 4.1 của Phụ lục V): 06 bản gốc.
 - + Bảng xác định giá trị khối lượng quyết toán hợp đồng do Nhà thầu lập và được Chủ đầu tư xác nhận (Mẫu số 4.2 của Phụ lục V): 06 bản gốc.
 - + Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng do Nhà thầu lập và được Chủ đầu tư phê duyệt (Mẫu số 3 của Phụ lục V): 06 bản gốc.

- + Báo cáo hoàn thành thi công công trình của Nhà thầu: 02 bản gốc.
- + Hồ sơ Quản lý chất lượng (Thành phần hồ sơ, số lượng và hình thức hồ sơ như Phụ lục IV).
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành gói thầu: 01 bản gốc
- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành gói thầu để đưa vào sử dụng: 01 bản gốc
- + Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng gói thầu của Nhà thầu Tư vấn giám sát: 01 bản gốc.
- + Bảo lãnh bảo hành: 01 bản gốc bảo lãnh bảo hành hoặc Chủ đầu tư sẽ giữ lại 5% giá trị hợp đồng khi thanh toán như quy định tại Điều 20 của ĐKCT Hợp đồng.
- + Hóa đơn GTGT có giá trị bằng 100% giá trị khối lượng công việc còn lại của Hợp đồng được nghiệm thu hoàn thành.
- **Hồ sơ thanh toán lần cuối:** Không yêu cầu hồ sơ thanh toán.

E-ĐKC 47.1 (d)

1. Điều chỉnh đơn giá hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023.
2. Điều chỉnh khối lượng công việc và một số nội dung khác trong hợp đồng theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023.
3. Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng theo hướng dẫn tại Phụ lục I Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023.
4. Giá hợp đồng được điều chỉnh trong một số trường hợp quy định tại Mục 48 E-ĐKC.

E-ĐKC 49.1

+ Nhà thầu có tổng cộng 09 ngày để hoàn thành hồ sơ Biện pháp thi công đảm bảo đủ điều kiện để Chủ đầu tư phê duyệt (trong đó: thời gian lập, trình hồ sơ là trong vòng 05 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ là trong vòng 04 ngày kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định của Chủ đầu tư). Trong trường hợp Nhà thầu không hoàn thành hồ sơ Biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong thời gian 09 ngày thì số ngày vượt quá sẽ được tính vào thời gian thi công của nhà thầu (trong vòng 65 ngày). Nếu tổng thời gian Nhà thầu thực hiện thi công và thời gian chậm hoàn thành hồ sơ Biện pháp thi công vượt quá 65 ngày thì cứ mỗi ngày chậm tiến độ, Nhà thầu chịu phạt khoản tiền tương đương 0,3% giá trị phần hợp đồng vi phạm và tổng mức phạt không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện hoặc thực hiện nhưng hồ sơ Biện pháp thi công không đảm bảo đủ điều kiện để Chủ đầu tư phê duyệt thì Chủ đầu tư sẽ xem xét thực hiện các thủ tục chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 57 E-ĐKC.

- + Trường hợp Nhà thầu chậm nộp hồ sơ quản lý chất lượng công trình (quy định tại Phụ lục IV) kèm theo báo cáo hoàn thành thi công công trình (chậm hơn 65 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng), Nhà thầu chịu phạt khoản tiền tương đương 0,3% giá trị đề nghị thanh toán cho mỗi ngày chậm và tổng mức phạt không vượt quá 12% giá trị đề nghị thanh toán của lần thanh toán sau khi nghiệm thu hoàn thành gói thầu. Nếu hồ sơ quản lý chất lượng công trình của Nhà thầu không đảm bảo chất lượng thì Nhà thầu có 7 ngày để khắc phục kể từ khi Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản về việc hoàn thiện hồ sơ. Ngoài thời gian này, Nhà thầu sẽ bị áp dụng phạt đối với thời gian chậm nộp như quy định ở trên.
- + Tổng mức phạt các nội dung nêu trên tối đa không vượt quá 12% giá trị hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.
- + Trong trường hợp hai bên chưa thống nhất được giá trị phần vi phạm hợp đồng (nếu có), Chủ đầu tư sẽ giữ lại giá trị dự kiến phạt vi phạm hợp đồng (tối đa không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm) theo thông báo bằng văn bản của Chủ đầu tư khi thanh toán đến 90% giá trị Hợp đồng. Nhà thầu phải có trách nhiệm thống nhất với Chủ đầu tư giá trị phần hợp đồng vi phạm trước lần thanh toán lần cuối cùng. Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu phần còn lại của giá trị tạm giữ sau khi trừ giá trị vi phạm đã được thống nhất khi Chủ đầu tư thanh toán lần cuối cùng.

Phụ lục II BẢNG VẬT TƯ, THIẾT BỊ ĐƯA VÀO CÔNG TRÌNH*(Kèm theo hợp đồng số/2025/HĐXD ngày/...../2025)*

STT	Tên vật tư, thiết bị	Hãng sản xuất/ thương hiệu	Xuất xứ	Ký mã hiệu (chủng loại)	Tài liệu chứng minh hợp lệ
1.					
2.					
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					
13.					
14.					
15.					
16.					
17.					
18.					
19.					

Phụ lục III NHÂN SỰ CHỦ CHỐT THỰC HIỆN GÓI THẦU

(Kèm theo hợp đồng số/2025/HĐXD ngày/...../2025)

TT	NHÂN SỰ	VỊ TRÍ CÔNG VIỆC
1		Chỉ huy trưởng công trình
2		Phụ trách kỹ thuật thi công
3		Phụ trách an toàn lao động, vệ sinh lao động

Phụ lục IV QUY ĐỊNH VỀ THÀNH PHẦN, SỐ LƯỢNG, HÌNH THỨC HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

(Kèm theo hợp đồng số/2025/HĐXD ngày/...../2025)

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Hình thức
I	Hồ sơ quản lý chất lượng tương ứng với thanh toán khối lượng hoàn thành		
1.	Các biên bản nghiệm thu công việc	01 bản gốc, 1 bản sao	
2.	Các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành (nếu có)	01 bản gốc, 1 bản sao	Đóng quyển
3.	Các tài liệu kỹ thuật, tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ do nhà thầu cung cấp	01 bản gốc, 1 bản sao	Đóng quyển
4.	Nhật ký thi công công trình	02 bản sao	Lập và đóng quyển theo quy định tại Phụ lục II Nghị định 06/2021/NĐ-CP
II	Hồ sơ quản lý chất lượng tương ứng với thanh toán sau khi nghiệm thu hoàn thành gói thầu		
1.	Các biên bản nghiệm thu công việc	01 bản gốc, 5 bản sao	
2.	Các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành (nếu có)	01 bản gốc, 5 bản sao	Đóng quyển
3.	Các tài liệu kỹ thuật, tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ do nhà thầu cung cấp	01 bản gốc, 5 bản sao	Đóng quyển

4.	Nhật ký thi công công trình	01 bản gốc, 5 bản sao	Lập và đóng quyển theo quy định tại Phụ lục II Nghị định 06/2021/NĐ-CP
5.	Hồ sơ bản vẽ hoàn công	01 bản gốc, 5 bản sao	Lập và đóng quyển theo quy định tại Phụ lục II Nghị định 06/2021/NĐ-CP



Phụ lục V MẪU HỒ SƠ THANH TOÁN VÀ YÊU CẦU/KIẾN NGHỊ*(Kèm theo hợp đồng số/2025/HĐXD ngày/...../2025)***Mẫu số 1****BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

Ngày tháng năm

Tên dự án**Tên/số hợp đồng:****Chủ đầu tư****Nhà thầu****Giai đoạn thanh toán /lần thanh toán số:**

Căn cứ khối lượng đã được nghiệm thu, Nhà thầu đề nghị Chủ đầu tư thanh toán số tiền như sau:

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng			
2	Giá trị khối lượng các công việc phát sinh ngoài Hợp đồng			
3	Chiết khấu tiền tạm ứng <i>(theo quy định của Hợp đồng)</i>			
4	Giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có)			
5	Giá trị đề nghị thanh toán (1+2-3-4)			

Bảng chữ:

Hồ sơ kèm theo:

Nhà thầu*(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)***Chủ đầu tư***(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)*

Mẫu số 2
BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN
THÀNH THEO HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm

Tên dự án

Tên/số hợp đồng:

Chủ đầu tư

Nhà thầu

Giai đoạn thanh toán /lần thanh toán số:

Căn cứ xác định:

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Đơn giá thanh toán	Thành tiền (đồng)		Ghi chú
			Theo HĐ	Đã thực hiện		Theo HĐ	Đã thực hiện	
	Tổng cộng							

Bảng chữ:

Nhà thầu

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Mẫu số 3
BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH NGOÀI
HỢP ĐỒNG
 (Chưa có đơn giá trong hợp đồng)

Ngày tháng năm.....

Tên dự án

Tên/số hợp đồng:

Chủ đầu tư

Nhà thầu

Giai đoạn thanh toán /lần thanh toán số:

Căn cứ xác định:

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng phát sinh	Đơn giá (đồng)		Thành tiền (đồng)		Ghi chú
				Theo Hợp đồng	Theo đơn giá bổ sung	Theo Hợp đồng	Theo đơn giá bổ sung	
	Tổng cộng							

Bảng chữ:

Nhà thầu

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)

MẪU số 4

MẪU số 4.1

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm

*Tên dự án**Tên/số hợp đồng:**Chủ đầu tư**Nhà thầu**Căn cứ:*

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng			
2	Giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký			
3	Giá trị quyết toán hợp đồng (3=1+2)			
4	Giá trị đã tạm ứng, thanh toán hoặc tạm thanh toán			
5	Giá trị phạt vi phạm hợp đồng (nếu có) <i>Ghi chú:</i> - Trường hợp giá trị phạt vi phạm hợp đồng đã được hai bên thống nhất thì được ghi vào mục này. - Trường hợp giá trị phạt vi phạm hợp đồng chưa được thống nhất thì thực hiện theo Khoản 23.2 Điều 23 và không ghi nội dung này trong biểu mẫu			
6	Giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu (6=3-4-5)			

*Bảng chữ:**Hồ sơ kèm theo:***Nhà thầu***(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ và đóng dấu)***Chủ đầu tư***(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ và đóng dấu)*

MẪU số 4.2
BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG QUYẾT TOÁN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm

Tên dự án

Tên/số hợp đồng:

Chủ đầu tư

Nhà thầu

Căn cứ xác định:

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng		Đơn giá thanh toán	Thành tiền (đồng)		Ghi chú
			Theo HD	Đã thực hiện		Theo HD	Đã thực hiện	
	Tổng cộng							

Bằng chữ:

Nhà thầu

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)

Chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ)

**Phụ lục VI MẪU BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG, BẢO ĐẢM THỰC
HIỆN HỢP ĐỒNG, BẢO LÃNH BẢO HÀNH**
(Kèm theo hợp đồng số/2025/HĐXD ngày//2025)



Mẫu số 3

NH

Địa chỉ:.....

Ngày .../.../....

BẢO LÃNH BẢO HÀNH

Số:

GIÁ TRỊ BẢO LÃNH:

Kính gửi: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY**Địa chỉ: Số 5/200, đường Nguyễn Sơn, P.Bồ Đề, TP Hà Nội, Việt Nam.**

Theo điều khoản về Bảo hành và bảo lãnh bảo hành nêu trong hợp đồng , [*Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) phải nộp cho chủ đầu tư một Bảo lãnh bảo hành để đảm bảo nghĩa vụ bảo hành của nhà thầu.

Chúng tôi, [*Ghi tên của ngân hàng*] ở [*Ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại [*Ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “ngân hàng”) cam kết sẽ theo yêu cầu của chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá

..... [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] khi nhận được yêu cầu thanh toán bằng văn bản được ký hợp lệ của Quý công ty, thông báo rằng;

- i. Bên được bảo lãnh đã vi phạm nghĩa vụ bảo hành theo quy định của Hợp đồng; và
- ii. Nêu nội dung vi phạm nghĩa vụ bảo hành của Bên được bảo lãnh.

Giá trị bảo lãnh sẽ tự động giảm tương ứng với mỗi khoản thanh toán do chúng tôi thực hiện cho Quý công ty theo thư bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến hết ngày/...../..... (Ngày hiệu lực) hoặc đến thời điểm..... [*Ghi tên của ngân hàng*] nhận lại bản gốc thư bảo lãnh này từ Quý Công ty hoặc Bên được bảo lãnh (Trừ trường hợp bản gốc thư bảo lãnh này được Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay gửi cho..... [*Ghi tên của ngân hàng*] để yêu cầu [*Ghi tên của ngân hàng*] thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh) chọn thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu thanh toán nào liên quan đến bảo lãnh này phải được xuất trình tại trụ sở của chúng tôi [*Ghi tên của ngân hàng*] theo [*địa chỉ của ngân hàng*] trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh. Sau thời hạn hiệu lực nêu trên, Bảo lãnh tự động hết hiệu lực cho dù bản gốc thư bảo lãnh này có được gửi trả lại cho chúng tôi hay không.

Bảo lãnh này được phát hành một bản gốc duy nhất không có giá trị chuyển nhượng và được điều chỉnh theo Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

NGÂN HÀNG.....

GIÁM ĐỐC

**Phụ lục VII MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA NHÀ THẦU THI CÔNG
XÂY LẮP**

Công ty...
BAN CHỈ HUY CÔNG TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

, ngày tháng năm

BÁO CÁO TUẦN/ THÁNG
(Từ ngày đến ngày tháng năm)

Kính gửi:

-
-

Ban Chỉ huy công trường xin báo cáo khối lượng thi công trong tuần như sau:

Thời tiết trong tuần/tháng:

Thứ	2	3	4	5	6	7	CN
Sáng							
Chiều							

Thời gian thi công theo kế hoạch:

STT	Tên công việc	Bắt đầu	Kết thúc	Đánh giá
	Ghi tên công việc	ghi ngày tháng năm	ghi ngày tháng năm	-Ghi nội dung đã thực hiện - Nội dung chưa thực hiện - đánh giá chung về tiến độ

Vật tư tập kết tại công trường:

TT	Vật tư chính	Đơn vị	Khối lượng theo thiết kế	Lũy kế đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ (%)	Khối lượng còn lại
1						
2						
3						
4						

Khối lượng đã thực hiện

TT	Hạng mục	Đơn vị	KL Thiết kế	KL thực hiện trong tuần	Lũy kế	Tỷ lệ %	KL còn lại

TT	Hạng mục	Đơn vị	KL Thiết kế	KL thực hiện trong tuần	Lũy kế	Tỉ lệ %	KL còn lại

Công việc thực hiện trong tuần/tháng :

Ghi các nội dung đã thực hiện trong tuần/ tháng

Công việc dự kiến tuần tiếp theo.

-

-

Công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường

-

-

Kiến nghị

-

-

Trên đây là báo cáo của Ban chỉ huy công trình kính trình Chủ đầu tư xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

Như trên;

Lưu: BCHCT.

BCH CÔNG TRƯỜNG

HÌNH ẢNH THI CÔNG TRÊN CÔNG TRƯỜNG

(Tính đến ngày tháng năm)